

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DSST  
Ngày: 19/6/2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Chức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Quốc và bà Điều Thị Hương;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên  
tòa:* Ông Đỗ Lâm Hiếu – chức vụ: Kiểm sát viên.

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thúy Hằng;

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa ra xét xử số: 16/2020/QĐXX- ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955 – (có mặt);
- Bị đơn: Bà Phan Ngọc Ng, sinh năm: 1968 – (có mặt);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1950, ông T ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng.

Ông Trần Phước M, sinh năm: 1960 – ( có đơn yêu cầu vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T B, xã TT, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 12/02/2020 cùng các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 19/4/2019 bà Phan Ngọc Ng có vay của gia đình bà L số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu) để xoay sở việc riêng lãi suất hai bên thỏa thuận là 2000 đồng/1.000.000/ngày, có hạn 03 tháng sẽ trả, đến nay đã quá thời hạn trả mà bà Ng mới thanh toán được cho bà L được số tiền 25.000.000 đồng. Nay

bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện B Đ giải quyết buộc bà Phan Ngọc Ng phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L, ông T số tiền gốc 255.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu) gốc và lãi phát sinh theo lãi suất theo ngân hàng kể từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/5/2020 là 13 tháng x 1%/ tháng x 255.000.000 đồng = 33.150.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 288.150.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn), ngày 15/6/2020 bà Ng trả tiếp cho bà L 10.000.00 đồng (mười triệu) số tiền còn lại là 278.150.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn). Bà L yêu cầu bà Ng phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà L và ông T một lần mà không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ng trả số nợ này cho vợ chồng bà L và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/6/2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc cho bà L và ông T.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Ngọc Ng trình bày: Bà Ng thừa nhận lời trình bày của bà L là hoàn toàn đúng, bà Ng đồng ý trả bà L số tiền còn thiếu nợ bà L là 278.150.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn). Do số tiền nay bà Ng vay sử dụng vào việc riêng ông M chồng bà hoàn toàn không biết. Vì vậy bà không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả cho bà L đồng thời bà Ng yêu cầu trả được trả thành nhiều lần mỗi lần 10.000.000 đồng. Thời hạn trả bắt đầu từ ngày 13/6/2020 cho đến khi bà Ng bán được đất sẽ trả hết số nợ còn lại cho bà L và ông T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước M có đơn yêu cầu vắng mặt đề ngày 16/4/2020 nội dung: Vợ tôi có nợ của người khác, tuy nhiên trong đơn vay của vợ tôi tôi không biết và cũng không đứng tên và tôi cũng không được sử dụng số tiền vợ tôi vay nợ, vì năm 2015 vợ tôi cũng tự ý hợp đồng vay, tôi có phân chia tài sản cho vợ tôi trả nợ trên 7 (bảy) tỷ đồng. Vì vậy số nợ này tôi không có nghĩa vụ phải trả. Đề nghị Tòa án giải quyết giữa cá nhân với cá nhân tôi không liên quan. Do bận công việc nên không có thời gian và điều kiện ông M xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa cũng như tại phiên tòa.

Tòa án đã triệu tập các bên tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải, cho các bên thống nhất giải quyết các vấn đề của vụ án nhưng hòa các bên không thống nhất được ý kiến.

Biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của ông T bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Phan Ngọc Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà L, ông T số tiền 278.150.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn) và lãi suất theo quy định tính từ ngày 19/6/2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc cho bà L và ông T.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Phan Ngọc Ng đồng ý trả bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T số tiền là 278.150.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn). yêu cầu trả được trả thành nhiều lần mỗi lần 10.000.000 đồng. Thời hạn trả bắt đầu từ ngày 13/6/2020 cho đến khi bà Ng bán được đất sẽ trả hết số nợ còn lại cho bà L và ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phước M có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo qui định của pháp luật.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Phan Ngọc Ng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện B Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước M có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thì vào ngày 19/4/2019 bà Phan Ngọc Ng có vay của bà L số tiền 280.000.000 đồng, có làm giấy vay mượn. Khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng, thời hạn vay là 03 tháng nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Xét giấy mượn tiền bà Phan Ngọc Ng là người trực tiếp ký giấy vay. Tuy Bà Ng, ông M là vợ chồng xong bà L và bà Ng, ông M thống nhất số tiền bà Ng vay

ông M hoàn toàn không biết. Ông M không đồng ý cùng bà Ng trả số nợ này cho bà L và bà L cũng không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nợ cho bà L và ông T mà chỉ yêu cầu mình bà Ng có nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà L, ông T số tiền gốc và lãi là 278.150.000 đồng là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Phan Ngọc Ng yêu cầu trả bà L số tiền 278.150.000 đồng thành nhiều lần mỗi lần 10.000.000 đồng. Thời hạn trả từ ngày 13/5/2020 cho đến khi bà Ng bán được đất sẽ trả hết là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong giấy vay tiền ngày 19/4/2019 bà Ng và bà L không thỏa thuận các điều kiện trên. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phước M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không đồng ý trả nợ bà L và ông T. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm. HĐXX không xét.

Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau:  $278.150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.907.500 \text{ đồng}$  (mười ba triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các điều 463, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271, 273, 147, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Phan Ngọc Ng

Buộc ông Phan Ngọc Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T số tiền 278.150.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn)

Kể từ ngày bà L, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Ng còn phải trả cho bà L, ông T tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí DSST: Bà Phan Ngọc Ng phải chịu 13.907.500 đồng (mười ba triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lâm Thị Chức**